TRƯỜNG TH LÊ VĂN TÁM
ĐẾN Số: 1055
Ngày: 27/11
Chuyển: Công khai
- VCCC

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 12766 /SGDĐT-TCCB

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 11 năm 2026

V/v xác định cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp, xác định thời gian giữ hạng chức danh nghề nghiệp và tiến độ đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

Kính gửi:
- Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu;
- Hiệu trưởng các Trường Cao đẳng, Trung cấp công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;
- Hiệu trưởng (Giám đốc) các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc Sở.

Tiếp theo Văn bản số 12620/SGDĐT-TCCB ngày 19 tháng 11 năm 2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc rà soát lại số lượng, tỷ lệ cơ cấu hạng chức danh nhà giáo trong cơ sở giáo dục công lập.

Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị Thủ trưởng các đơn vị nghiên cứu thực hiện nghiêm các nội dung sau:

1. Về tỷ lệ hạng chức danh nghề nghiệp nhà giáo theo vị trí việc làm **đã** được phê duyệt, tỷ lệ từng hạng chức danh nghề nghiệp nhà giáo hiện có

Tại khoản 2 Mục II Văn bản số 64/BNV-CCVC ngày 05 tháng 11 năm 2024 của Bộ Nội vụ về việc xác định cơ cấu ngạch công chức và cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp viên chức, cụ thể đối với đơn vị sự nghiệp nhóm 3, nhóm 4:

"- Chức danh nghề nghiệp hạng I và tương đương: Tối đa không quá 10%;

- Chức danh nghề nghiệp hạng II và tương đương: Tối đa không quá 50%;

- Chức danh nghề nghiệp hạng III và tương đương trở xuống (nếu có): Tối đa không quá 40%.

(cơ cấu trên không bao gồm viên chức quản lý)"

Đồng thời, tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Văn bản số 64/BNV-CCVC quy định:

"2. Đối với...cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện (nay là phường/xã) được thành lập theo đúng quy định của pháp luật thì quyết định theo thẩm quyền hoặc căn cứ vào quyết định của cấp có thẩm quyền thành lập để xác định tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị nêu trên. Đối với các đơn vị

thuộc, trực thuộc các cơ quan nêu tại Mục II Công văn này và tại khoản này thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tế của cơ quan, tổ chức, đơn vị để phân bổ tỷ lệ phù hợp, bảo đảm tỷ lệ theo quy định.

..3. Trường hợp chưa đủ số lượng theo tỷ lệ ở mỗi ngạch công chức hoặc mỗi hạng chức danh nghề nghiệp viên chức thì số còn thiếu được cộng vào ngạch (hạng) thấp hơn liền kề và có thể lớn hơn tỷ lệ theo quy định. Trường hợp số lượng thực tế hiện có vượt tỷ lệ nêu trên thì tạm thời không tổ chức thi, xét nâng ngạch hoặc xét thăng hạng lên ngạch công chức, hạng chức danh nghề nghiệp đã vượt quá tỷ lệ.

..4. Cơ quan có thẩm quyền của ..các tổ chức chính trị - xã hội căn cứ hướng dẫn tại Công văn này để xem xét, quyết định việc áp dụng xác định tỷ lệ cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp viên chức trong các cơ quan và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý".

Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị Thủ trưởng đơn vị phải căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp phù hợp với cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt để phân bổ tỷ lệ phù hợp, bảo đảm tỷ lệ theo quy định.

2. Về việc xác định thời gian giữ hạng chức danh nghề nghiệp tương đương: thực hiện theo quy định tại Điều 13 Thông tư số 13/2024/TT-BGDĐT, cụ thể:

2.1. Thời gian được tính vào thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng III (mã số V.07.02.26) gồm có:

a) Thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng III (mã số V.07.02.26),

b) Thời gian giáo viên giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng III (mã số V.07.02.05);

c) Thời gian giáo viên giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng IV (mã số V.07.02.06);

d) Thời gian giữ ngạch giáo viên mầm non chính (mã số 15a.206);

đ) Thời gian giữ ngạch giáo viên mầm non (mã số 15.115);

e) Thời gian khác được cơ quan có thẩm quyền xác định tương đương với các hạng, ngạch quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ khoản này khi giáo viên được chuyển chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non;

g) Thời gian công tác theo đúng quy định của pháp luật, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc đáp ứng quy định của Chính phủ tại điểm d khoản 1 Điều 32 Nghị

định số 115/2020/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP.

2.2. Thời gian được tính vào thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng III (mã số V.07.03.29) gồm có:

a) Thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng III (mã số V.07.03.29);

b) Thời gian giáo viên giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng III (mã số V.07.03.08);

c) Thời gian giáo viên giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng IV (mã số V.07.03.09);

d) Thời gian giữ ngạch giáo viên tiểu học chính (mã số 15a.204);

đ) Thời gian giữ ngạch giáo viên tiểu học (mã số 15.114);

e) Thời gian khác được cơ quan có thẩm quyền xác định tương đương với các hạng, ngạch quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ khoản này khi giáo viên được chuyển chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học;

g) Thời gian công tác theo đúng quy định của pháp luật, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc đáp ứng quy định của Chính phủ tại điểm d khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP.

2.3. Thời gian được tính vào thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng III (mã số v.07.04.32) gồm có:

a) Thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng III (mã số V.07.04.32);

b) Thời gian giáo viên giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng III (mã số V.07.04.12);

c) Thời gian giáo viên giữ ngạch giáo viên trung học cơ sở (mã số 15a.202);

d) Thời gian khác được cơ quan có thẩm quyền xác định tương đương với các hạng, ngạch quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản này khi giáo viên được chuyển chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở;

đ) Thời gian công tác theo đúng quy định của pháp luật, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc đáp ứng quy định của Chính phủ tại điểm d khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP.

2.4. Thời gian được xác định tương đương với thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông hạng III theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này không bao gồm thời gian tập sự và thử việc.

2.5. Việc xác định thời gian tương đương với thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng II (mã số V.07.02.25) thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 11 Điều 1 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT.

2.6. Việc xác định thời gian tương đương với thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II (mã số V.07.03.28) thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 2 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT.

2.7. Việc xác định thời gian tương đương với thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng II (mã số V.07.04.31) thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư số 03/2021/TT-BGDĐT đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 10 Điều 3 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT.

2.8. Việc xác định thời gian tương đương với thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng II (mã số V.07.05.14), hạng III (mã số V.07.05.15) thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Thông tư số 04/2021/TT-BGDĐT đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 4 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT.

2.9. Trường hợp giáo viên dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp có trình độ chuyên môn cao hơn tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, đề nghị các đơn vị nghiên cứu thực hiện theo quy định tại Thông tư số 01, 02, 03, 04/2021/TT-BGDĐT được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 85/2023/TT-BGDĐT, cụ thể:

- Giáo viên dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng I (mã số V.07.02.24) nếu đã có bằng thạc sĩ trở lên đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo của giáo viên mầm non hạng I và có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng II (mã số V.07.02.25) hoặc tương đương đủ từ 06 (sáu) năm trở lên tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng thì được xác định là đủ yêu cầu về thời gian giữ hạng.

- Giáo viên dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II (mã số V.07.03.28) nếu đã có bằng thạc sĩ trở lên đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo của giáo viên tiểu học hạng II và có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng III (mã số V.07.03.29) hoặc tương đương đủ từ 06 (sáu) năm trở lên (không kể thời gian tập sự) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng thì được xác định là đủ yêu cầu về thời gian giữ hạng.

- Giáo viên dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng II (mã số V.07.04.31) nếu đã có bằng thạc sĩ đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo của giáo viên trung học cơ sở hạng II và có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng III (mã số V.07.04.32) hoặc tương đương đủ từ 06 (sáu) năm trở lên (không kể thời gian tập sự) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng thì được xác định là đủ yêu cầu về thời gian giữ hạng.

- Giáo viên dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng II (mã số V.07.05.14) nếu đã có bằng thạc sĩ, đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo của giáo viên trung học phổ thông hạng II và có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng III (mã số V.07.05.15) hoặc tương đương đủ từ 06 (sáu) năm trở lên (không kể thời gian tập sự) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng thì được xác định là đủ yêu cầu về thời gian giữ hạng theo quy định.

Sở Giáo dục và Đào tạo thông tin và đề nghị Thủ trưởng các đơn vị nghiêm túc thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Giám đốc *(để báo cáo)*;
- Lưu: VT, TCCB (BN).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Trần Thị Ngọc Châu